

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2021/DS - ST

Ngày: 19/11/2021

V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê
2. Ông Đinh Tình Thanh Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thúy Nga – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3382/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 4404/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021, Thông báo dời ngày xét xử số 4465/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4647/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NH S; Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 NK, Phường T, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ma KC – đại diện theo Giấy ủy quyền số 368/2021/GUQ-CNTB ngày 19 tháng 11 năm 2021 của ông Lê Nguyễn T – Giám đốc NH S chi nhánh Tân Bình và Quyết định số 3977/2020/GUQ-PL ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tổng Giám đốc về việc ký hợp đồng/văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng.

2. *Bị đơn*: Bà Bruu Thị NL; Địa chỉ: TK 35/14 NCC, phường K, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Phiên tòa vắng mặt ông KC, Bà NL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của NH S trình bày:

Ngày 13/9/2017, NH S và bà Bruu Thị NL ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng với hạn mức tín dụng là 150.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng Bà NL đã thực hiện giao dịch tổng cộng là 2.442.400.00 đồng, tổng số tiền đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng là 2.367.815.182 đồng số tiền nợ gốc, lãi, phí phát sinh bao gồm: Phí rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Đến thời điểm ngày 30/11/2020 Bà NL ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tổng cộng là 170.586.563 đồng.

Tính đến ngày 12/01/2021 số nợ tổng cộng của Bà NL như sau:

Nợ gốc: 170.584.868 đồng

Nợ lãi: 4.086.007 đồng

Tổng cộng: 174.672.570 đồng

Nguyên đơn yêu cầu:

1. Bị đơn thanh toán khoản tiền nợ thẻ tín dụng.
2. Lãi phát sinh kể từ ngày 13/01/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

Ngày 19/11/2021, người đại diện hợp pháp của ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và yêu cầu giải quyết buộc bị đơn thanh toán dư nợ đến ngày xét xử là nợ gốc: 170.584.868 đồng và lãi quá hạn: 70.967.490 đồng.

Bị đơn là bà Bưu Thị NL đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo dời ngày xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, về thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; Bị đơn vi phạm Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ của đương sự;

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Các đương sự tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại Quận 1, căn cứ điểm Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b Khoản 2 điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ, nhưng vẫn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do

Nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét: Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 13/9/2017, Nguyên đơn và Bị đơn có ký kết *Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng NH S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 15/8/2016;*

Theo đó Nguyên đơn cấp cho Bị đơn thẻ tín dụng là loại thẻ cá nhân tín chấp có tổng hạn mức 150.000.000 đồng; ngoài ra, văn bản này còn có các nội dung về quyền, nghĩa vụ của các bên. Quá trình sử dụng thẻ, Bị đơn chậm thanh toán nên Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, hiện Bị đơn còn nợ gốc là 170.584.868 đồng và lãi phát sinh.

[5] Xét: *Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/9/2017 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng NH S đơn vị phát hành thẻ* là hợp đồng sử dụng thẻ giữa chủ thẻ là bà Bưu Thị NL và tổ chức phát hành thẻ là NH S. Hợp đồng này có mục đích, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và quy định về hoạt động ngân hàng của Ngân hàng thương mại, về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ được quy định tại Điều 91, Điều 95, điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN quy định về Hoạt động thẻ ngân hàng (thông tư 19) có hiệu lực. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng sử dụng thẻ nên có nghĩa vụ trả các khoản phí, nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định tại Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 17 Thông tư 19.

[6] Về lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn tính lãi trên tiền nợ vay theo mức lãi suất quá hạn 3,9%/tháng (2,6%/tháng x 150%) đối với dư nợ Thẻ từ ngày 30/11/2020 đến ngày xét xử, theo các văn bản thông báo điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng đã được Nguyên đơn phát hành là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, tiền lãi tính đến ngày xét xử mà Bị đơn phải trả theo yêu cầu của Nguyên đơn là 70.967.490 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, cần tuyên theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải trả nợ gốc: 170.584.868 đồng và lãi quá hạn: 70.967.490 đồng, tổng cộng là 241.554.053 đồng;

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận là 12.077.703 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Luật thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc Bà Bưu Thị NL trả cho NH S các khoản tiền còn nợ của *Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/9/2017 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng NH S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 15/8/2016*; gồm:

Nợ gốc: 170.584.868 đồng và lãi quá hạn: 70.967.490 đồng, tổng cộng là 241.554.053 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi

suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bưu Thị NL phải chịu án phí là 12.077.703 (mười hai triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm linh ba) đồng. NH S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.366.814 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0030454 ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. NH S, Bà Bưu Thị NL có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sỹ Hùng